



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

*(Kèm theo quyết định số: 1355/QĐ-VPCNCL ngày 05 tháng 7 năm 2023
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)*

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm - Công ty Cổ phần Sữa TH**

Laboratory: **Laboratory of TH Milk Joint Stock Company**

Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Sữa TH**

Organization: **TH Milk Joint stock company**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa, Sinh**

Field of testing: **Chemical, Biological**

Người phụ trách/ *Representative:* **Phạm Văn Sửu**

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ <i>Name</i>	Phạm vi được ký/ <i>Scope</i>
1.	Phạm Văn Sửu	Các phép thử được công nhận/ <i>Accredited tests</i>
2.	Phạm Xuân Tùng	Các phép thử Sinh được công nhận/ <i>Accredited biological tests</i>
3.	Lê Trạch Tùng	Các phép thử Hóa được công nhận/ <i>Accredited chemical tests</i>

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 1210**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **08/7/2025**

Địa chỉ/ *Address:* **Xóm Bình Nghĩa, Xã Nghĩa Bình, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An**

Địa điểm/ *Location:* **Xóm Bình Nghĩa, Xã Nghĩa Bình, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An**

Điện thoại/ *Tel.:*

Fax:

E-mail:

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1210****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa****Field of testing: Chemical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Pho mai <i>Cheese</i>	Xác định hàm lượng chất khô tổng số Phương pháp sấy <i>Determination of total solid content Drying method</i>	(12 ~ 65) %	TCVN 8174:2009 (ISO 5534:2004)
2.	Bơ <i>Butter</i>	Xác định độ ẩm Phương pháp sấy <i>Determination of moisture Drying method</i>	(12 ~ 30) %	TCVN 10131-1:2013 (ISO 8851-1:2004)
3.	Sữa <i>Milk</i>	Xác định hàm lượng chất khô tổng số Phương pháp sấy <i>Determination of total solid content Drying method</i>	(10 ~ 30) %	TCVN 8082:2013 (ISO 6731:2010)

Chú thích/Note:

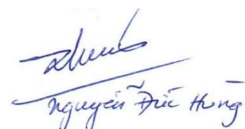
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam Standard*
- ISO: *International Organization for Standardization*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1210****Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh****Field of testing: Biological**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Sữa (dạng lỏng) <i>Milk (liquid)</i>	Định lượng vi sinh vật Đếm khuẩn lạc ở 30°C bằng kỹ thuật đổ đĩa <i>Enumeration of microorganisms Colony count at 30 degrees C by the pour plate technique</i>	1 CFU/mL	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2.		Định lượng đơn vị hình thành khuẩn lạc từ nấm men và/hoặc nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 25°C <i>Enumeration of colony-forming units of yeasts and/or moulds Colony-count technique at 25°C</i>	1 CFU/mL	TCVN 6265:2007 (ISO 6611:2004)
3.		Định lượng tổng số Coliforms Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Coliforms Colony-count technique</i>	1 CFU/mL	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)

Chú thích/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam Standard*
- ISO: *International Organization for Standardization*



Nguyễn Đức Hưng